

Số: 71/NQ-HĐND

Yên Châu, ngày 17 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư và
vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU
KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26/5/2015; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Thực hiện Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2021; Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020;

Xét Tờ trình số 314/TTr-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện về việc phân bổ vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-HĐND ngày 15/12/2020 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2021, với những nội dung cụ thể như sau:

I. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ

1. Ưu tiên tập trung kế hoạch vốn trả nợ dứt điểm những công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2020;

2. Bố trí vốn cho các công trình chuyển tiếp đã có khối lượng và hoàn thành trong năm 2021.

II. Kế hoạch phân bổ vốn

Tổng số vốn phân bổ: 27.470 triệu đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ, bốn trăm bảy mươi triệu đồng chẵn) trong đó:

1. Nguồn vốn phân cấp cho ngân sách cấp huyện: 13.090 triệu đồng

- Công trình hoàn thành: 07 công trình, số tiền 4.265,644 triệu đồng.

- Công trình chuyển tiếp: 09 công trình, số tiền 8.824,356 triệu đồng.

2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 6.800 triệu đồng

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất: Phân bổ cho 08 nội dung, số tiền 1.410 triệu đồng.

- Thực hiện các dự án đầu tư: 502,430 triệu đồng.

- Dự phòng chưa phân bổ: 4.887,570 triệu đồng.

3. Vốn sự nghiệp giáo dục, số tiền 3.980 triệu đồng

- Công trình hoàn thành: 05 công trình, số tiền 2.151,534 triệu đồng.

- Công trình chuyển tiếp: 01 công trình, số tiền 1.828,466 triệu đồng.

4. Vốn sự nghiệp kinh tế, số tiền 3.600 triệu đồng

- Vốn sự nghiệp kinh tế khác: 3.300 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp giao thông: 300 triệu đồng.

(Có phụ lục tổng hợp và 04 phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện:

- Quyết định giao nhiệm vụ, nguồn vốn cho các cơ quan, đơn vị chủ đầu tư tổ chức thực hiện.

- Xây dựng phương án phân bổ chi tiết trình cấp có thẩm quyền cho ý kiến trước khi phân bổ đối với nguồn vốn dự phòng chưa phân bổ tại khoản 2, phần II, Điều 1.

- Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nguồn vốn của các đơn vị chủ đầu tư theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành.

2. Hội đồng nhân dân huyện giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khoá XX, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua. /.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Đ/c Phạm Văn Thủy - TUV, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Tài chính; Sở KH-ĐT;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND huyện;
- UBMT TQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các chủ đầu tư;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Đại biểu HĐND huyện khoá XX;
- LĐ, CV VP HĐND-UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TCKH, Tuần 100 bản.

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Sang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU**

**Phụ lục tổng hợp
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ VÀ
VỐN SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Yên Châu)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ký hiệu
	TỔNG CỘNG	27.470,0	
1	Kế hoạch phân bổ bổ sung cân đối được phân cấp năm 2021	13.090,0	Phụ lục I
2	Kế hoạch phân bổ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2021	6.800,0	Phụ lục II
3	Kế hoạch phân bổ vốn sự nghiệp giáo dục năm 2021	3.980,0	Phụ lục III
4	Kế hoạch phân bổ vốn sự nghiệp giao thông năm 2021	3.600,0	Phụ lục IV



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Sang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU

PHỤ LỤC TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ VÀ

VỐN SỰ NGHIỆP CÔNG TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: 17/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Tân Châu)

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ký hiệu
	TỔNG CỘNG	27.430,0	
1	Kế hoạch phân bổ nguồn ngân sách cấp năm 2021	12.000,0	Phụ lục I
2	Kế hoạch phân bổ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2021	6.500,0	Phụ lục II
3	Kế hoạch phân bổ vốn sự nghiệp giáo dục năm 2021	3.980,0	Phụ lục III
4	Kế hoạch phân bổ vốn sự nghiệp giáo dục khác năm 2021	5.000,0	Phụ lục IV



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU

Phụ lục I

PHÂN BỐ NGUỒN BỐ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Yên Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Giá trị quyết toán	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Số còn thiếu	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMĐT	Trong đó		Dân góp					
							NSNN							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	TỔNG SỐ:					81.576,020	79.426,020	2.150,000	27.980,020	48.068,812	13.090,000	17.705,095		
I	Dự án hoàn thành					28.547,091	27.667,091	880,000	27.980,020	22.839,334	4.265,644	-		
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Sập Vạt	2019-2020	1049, 29/10/2018	7.000,000	7.000,000	-	6.832,048	6.224,505	607,543	-		
2	Nước sinh hoạt bản Đán, bản Đán 2, xã Chiềng Sang, huyện Yên châu	Ban QLDA DTXD	Chiềng Sang	2019-2020	1069, 31/10/2018	4.000,000	3.980,000	20,000	3.877,717	3.456,374	401,343	-		
3	Nâng cấp đường Ngã ba Co-Tôm - Suối Cút, xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Chiềng On	2019-2020	1041-29/10/2018	7.500,000	7.200,000	300,000	7.345,313	6.713,083	332,230	-		
4	Nhà văn hóa bản Kim Chung 3, xã Phiềng Khoài, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Phiềng Khoài	2020	1196, 28/10/2019	971,922	871,922	100,000	954,020	680,000	174,020	-		
5	Bãi chôn rác thải xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Chiềng On	2020	1207-28/10/2019	1.000,000	950,000	50,000	972,436	900,000	23,384	-		
6	Nâng cấp đường Cò Chia - Đông Bầu, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Yên Sơn	2019-2020	1040-29/10/2018	7.500,000	7.150,000	350,000	7.441,536	4.578,372	2.513,164	-		
7	Điện thấp sáng Trung tâm xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Chiềng Đông	2020	1209-28/10/2019	575,169	515,169	60,000	556,950	287,000	213,960	-		
II	Dự án chuyển tiếp					53.028,929	51.758,929	1.270,000	-	25.229,478	8.824,356	17.705,095		
1	Nước sinh hoạt bản Cò Tông, Cay Ton, Bó Mon, xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Tú Nang	2019-2021	1073, 31/10/2018	4.628,929	4.608,929	20,000		3.486,300	1.122,629	-	Bố trí vốn năm thứ 3	
2	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Chiềng Đông	2019-2021	1050, 29/10/2018	7.000,000	7.000,000	-		4.275,578	2.724,422	-	Bố trí vốn năm thứ 3	
3	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Thị trấn	2020-2021	1187-28/10/2019	4.900,000	4.900,000	-		2.132,600	1.200,000	1.567,400		
4	Đường Mai Ngập - Chiềng Sang, xã Chiềng Sang, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Chiềng Sang	2020-2021	1192-28/10/2019	2.600,000	2.550,000	50,000		910,000	300,000	1.340,000		
5	Nâng cấp đường Bó Kiềng - Co Sáy, xã Chiềng Hắc, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Chiềng Hắc	2020-2021	1157-16/10/2019	8.800,000	8.600,000	200,000		3.200,000	1.000,000	4.400,000		
6	Nâng cấp đường từ bản Dìn Chít - bản Pa Khôm, xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Chiềng Tương	2020-2021	1188-28/10/2019	8.000,000	7.650,000	350,000		3.600,000	700,000	3.350,000		

TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Giá trị quyết toán	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Số còn thiếu	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMBT	Trong đó						
							NSNN	Dân góp					
7	Nâng cấp đường Keo Đồn - Ta Liễu, xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng On	2020-2021	1190-28/10/2019	9.600,000	9.250,000	350,000		4.250,000	1.000,000	4.000,000	
8	Nâng cấp đường QL6C - Tam Thanh, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD	Phiêng Khoài	2020-2021	1189-28/10/2019	5.000,000	4.800,000	200,000		2.250,000	500,000	2.050,000	
9	Nâng cấp đường QL6C - Huổi Sai, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD	Phiêng Khoài	2020-2021	1158-16/10/2019	2.500,000	2.400,000	100,000		1.125,00	277,305	997,695	



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Sang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU

Phụ lục II

PHÂN BỐ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 (DỰ TOÁN TỈNH GIAO)
(Kèm theo Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Yên Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị quyết toán	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Số còn thiếu	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMBĐT					
1	2	3	4	5	6	7		8	9	10	11
	TỔNG SỐ:					7.702,290	1.095,314	892,884	6.800,000	4.996,976	
1	Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất					6.606,976		300,000	1.410,000	4.996,976	
1	Kinh phí thuê tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất năm 2021	Phòng TN&MT	H. Yên Châu	2021				-	100,000	-	
2	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Phòng TN&MT	H. Yên Châu	2020-2021		595,471		100,00	200,000	295,471	
3	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Yên Châu, tầm nhìn đến năm 2040 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Phòng TN&MT	H. Yên Châu	2021-2022		2.974,414		-	500,000	2.474,414	
4	Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết xây dựng nông thôn mới xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu, giai đoạn 2020-2025	Phòng KT&HT	Chiềng Khoi	2020	1213-29/10/2019	482,000		200,00	100,000	182,000	
5	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu liên cơ quan bản Nghè, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Phòng KT&HT	Sập Vạt	2020-2022		914,518		-	180,000	734,518	
6	Lập tổng mặt bằng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Yên Thi, xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu	Phòng KT&HT	Lóng Phiêng	2020-2022		131,781		-	30,000	101,781	
7	Lập tổng mặt bằng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Kim Chung 1, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Phòng KT&HT	Phiêng Khoài	2020-2022		207,408		-	40,000	167,408	

TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị quyết toán	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2020	Số còn thiếu	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMBT					
8	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư đầu cầu Chiềng Khoi (đọc xuôi Vạt từ cầu Chiềng Khoi - sau Bệnh viện đa khoa), thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu	Phòng KT&HT	Thị trấn, Sập Vạt	2020-2022		1.301,384		-	260,000	1.041,384	
II	Thực hiện các dự án đầu tư					1.095,314	1.095,314	592,884	502,430	-	DA hoàn thành
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư lương thực tiểu khu 1, thị trấn Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD	Thị trấn	2020	791-27/7/2020	369,280	369,280	100,000	269,280	-	DA hoàn thành
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư bản Nà Đít, xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng On	2019-2020	1057-30/10/2018	726,034	726,034	492,884	233,150	-	DA hoàn thành
III	Dự phòng chưa phân bổ								4.887,570		

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Sang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU**

Phụ lục III

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Yên Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị quyết toán	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Số còn thiếu	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMBĐT					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ:					26.970,000	22.141,534	19.990,000	3.980,000	661,534	
I	Công trình hoàn thành					22.480,000	22.141,534	19.990,000	2.151,534	-	
1	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất trường Mầm non Thùy Tiên, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Thị trấn	2019-2020	1353-21/12/2018	4.995,000	4.964,404	4.490,000	474,404	-	
2	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học Chiềng Hắc, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Chiềng Hắc	2019-2020	1354-21/12/2018	4.995,000	4.918,068	4.500,000	418,068	-	
3	THCS Tú Nang, xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Tú Nang	2019-2020	1355-21/12/2018	4.995,000	4.879,309	4.500,000	379,309	-	
4	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất trường PTCS Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Tú Nang	2019-2020	1356-21/12/2018	4.995,000	4.905,755	4.500,000	405,755	-	
5	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học Chiềng Tương, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Chiềng Tương	2019	1357-21/12/2018	2.500,000	2.473,998	2.000,000	473,998	-	
II	Công trình chuyển tiếp					4.490,000			1.828,466	661,534	
I	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất trường Mầm non Hương Xoài, xã Chiềng Hắc, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Chiềng Hắc	2020-2021	1429-18/12/2019	4.490,000		2.000,000	1.828,466	661,534	

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Sang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU**

**Phụ lục IV
PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số: 71/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Yên Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư						Kế hoạch vốn năm 2021	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm	Tổng cộng	TMĐT		Dân góp			
							Trong đó					
							NSNN					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
	TỔNG SỐ:					4.230,0	4.200,0	30,0	3.600,0			
I	Vốn sự nghiệp kinh tế khác					3.900,0	3.900,0	-	3.300,0			
1	Công chào huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Thị trấn, Sập Vật	2021		3.000,0	3.000,0	-	3.000,0			
2	Chợ dân sinh xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Mường Lựm	2021		900,0	900,0	-	300,0			
II	Vốn sự nghiệp giao thông					330,0	300,0	30,0	300,0			
1	Xử lý sạt lở đường Lóng Phiêng - Chiềng Tưng, huyện Yên Châu	Phòng KT&HT	L. Phiêng, C. Tưng	2021		50,0	50,0	-	50,0			
2	Sửa chữa cầu treo bản Huổi Qua, xã Viêng Lán, huyện Yên Châu	Phòng KT&HT	Viêng Lán	2021		80,0	50,0	30,0	50,0			
3	Rãnh thoát nước đường nội thị QL6 - Huổi Hẹ, xã Viêng Lán, huyện Yên Châu (lần 3)	Phòng KT&HT	Viêng Lán	2021		200,0	200,0	-	200,0			

PHÓ CHỦ TỊCH

(Chữ ký)

Nguyễn Thế Sang





Thị Thanh
CHỦ TỊCH

1	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 1)	KI 01/11	1.000	3031		300.0	300.0	300.0	
2	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 2)	KI 02/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
3	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 3)	KI 03/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
4	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 4)	KI 04/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
5	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 5)	KI 05/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
6	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 6)	KI 06/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
7	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 7)	KI 07/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
8	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 8)	KI 08/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
9	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 9)	KI 09/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
10	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 10)	KI 10/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
11	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 11)	KI 11/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
12	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 12)	KI 12/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
13	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 13)	KI 13/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
14	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 14)	KI 14/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
15	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 15)	KI 15/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
16	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 16)	KI 16/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
17	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 17)	KI 17/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
18	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 18)	KI 18/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
19	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 19)	KI 19/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0
20	Đầu tư xây dựng khu vực (địa điểm: Khu vực 20)	KI 20/11	1.000	3031		20.0	20.0	20.0	20.0

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỊCH

Ngày .../.../...

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỊCH